**Ngày soạn:…/…/…**

**Ngày dạy:…/…/…**

**BÀI 19: QUY TRÌNH NUÔI THỦY SẢN THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

Phân tích được quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung****:*

*- Năng lực tự học:*Chủ động tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập thông qua việc tham gia đóng góp ý tưởng, đặt câu hỏi và trả lời các yêu cầu của GV đưa ra.

*- Năng lực giao tiếp hợp tác:*Thảo luận nhóm, tiếp thu sự góp ý và hỗ trợ thành viên trong nhóm khi tìm hiểu về quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:*Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, đề xuất giải pháp giải quyết.

***Năng lực riêng:***

*- Năng lực tìm hiểu công nghệ:*Khai thác Hình 19.1 – 19.2, thông tin mục 1, 2, SGK tr.101 - 106 để tìm hiểu quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP

*- Năng lực vận dụng kiến thức đã học:*Vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin từ sách, báo, internet để tìm hiểu về quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

**3. Phẩm chất**

*Chăm chỉ và trách nhiệm:*Tích cực học tập, nghiên cứu, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch dạy học, SGK, SGV *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản 12.*

- Phiếu bài tập cho HS.

– Phiếu học tập.

Tìm hiểu quy trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quy trình | | Cách thực hiện |
| 1. Chuẩn bị cơ sở nuôi | Lựa chọn địa điểm |  |
| Cơ sở hạ tầng |  |
| Trang thiết bị máy móc dụng cụ |  |
| Yêu cầu về nhân sự |  |
| 2. Lựa chọn và thả giống | Nguồn gốc giống |  |
| Chất lượng con giống |  |
| Vận chuyển và thả con giống |  |
| 3. Quản lí và chăm  sóc | Sử dụng thức ăn |  |
| Theo dõi môi trường |  |
| Quản lí dịch bệnh |  |
| 4. Thu hoạch |  |  |
| 5. Thu gom, xử lí chất thải |  |  |
| 6. Lưu trữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc | Tài liệu và hồ sơ lưu trữ |  |
| Truy xuất nguồn gốc |  |
| 7. Kiểm tra nội bộ |  |  |

- Hình ảnh trong SGK: hình ảnh quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP,

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản 12.*

- Tìm hiểu trước thông tin phục vụ cho bài học qua SGK *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản*và internet.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Gợi mở kiến thức, tạo hứng thú cho HS tìm hiểu về quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP

**b. Nội dung**: GV cho HS xem hình ảnh về quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP

**c. Sản phẩm**: HS xem xem hình ảnh về quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi Mở đầu:

*Hãy kể tên các tiêu chuẩn của Việt Nam và Quốc tế được áp dụng trong thủy sản?.*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS xem hình ảnh, vận dụng hiểu biết của bản thân và một số kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV mời đại diện 1 – 2 HS và *Hãy kể tên các tiêu chuẩn của Việt Nam và Quốc tế được áp dụng trong thủy sản*.

Gợi ý trả lời:

*1 Tiêu chuẩn GlobalGAP cho nuôi trồng thủy sản.*

*2 Tiêu chuẩn ASC cho nuôi trồng tôm.*

*3 Tiêu chuẩn MSC cho nuôi trồng cá hồi.*

*4 TCVN 4378:2001: Cơ sở chế biến thủy sản - Điều kiện đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.*

*5 TCVN 5287:2008: Thủy sản đông lạnh - Phương pháp xác định vi sinh vật.*

*6 TCVN 3701:2009: Thủy sản và sản phẩm thủy sản - Xác định hàm lượng natri clorua.*

*7- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn cho phép của kim loại nặng trong thực phẩm*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Như vây việc nuôi trồng thủy sản có rất nhiều tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng sản phẩm vậy để đạt được một trong các tiêu chuẩn đó như thế nào chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay Bài 19: Quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP*.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**:

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về VietGAP trong chăn nuôi thủy sản**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được Khái niệm và những lợi ích của nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP

**b. Nội dung:** Tìm hiểu khái niệm và lợi ích củanuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP

**c. Sản phẩm: HS ghi vào vở khái niệm và lợi ích của nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP.**

**– Khái niệm: Nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP là quy phạm thực hành áp**

**dụng trong nuôi trồng thuỷ sản nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, giảm thiểu dịch**

**bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường sinh thái, đảm bảo trách nhiệm xã hội, truy xuất**

**nguồn gốc sản phẩm và góp phần thúc đẩy nuôi trồng thuỷ sản hướng tới sự phát triển**

**bền vững.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục 1, tiến hành thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi  Quan sát hình ảnh cho biết:    Quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP như thế nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS đọc thông tin SGK, thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học**  **tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức về khái niệm.  Thao tác 2:  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm: Nghiên cứu mục 1.2 SGK và thảo luận nhóm ghi ra bảng phụ cử đại diện thuyết trình sản phẩm nhóm các nhóm khác bổ sung  Lưu ý trong thời gian 1 phút thảo luận và viết sản phẩm trên bảng phụ  Yêu cầu trình bày đẹp chính xác 5 đ, thuyết trình 5 điểm  Nhiệm vụ các nhóm  Nhóm 1: Lợi ích của việc nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP đối với cơ sở nuôi  Nhóm 2: Lợi ích của việc nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP đối với người lao động  Nhóm 3: Lợi ích của việc nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP đối với người tiêu dùng và xã hội  Nhóm 4: Lợi ích của việc nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP đối với cơ sở chế biến thủy sản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS Thảo luận nhóm trình bày sản phẩm theo nội dung của nhóm mà GV đã phân công trên bảng phụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV tổ chức cho các nhóm HS thuyết trình sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học**  **tập**  GVNhận xét đánh gia chuẩn kiến thức | **1. VIETGAP TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**  **1.1. KHÁI NIỆM**  Quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP tuân theo các yêu cầu thực hành nuôi trồng thủy sản tốt trong ao, có thể kiểm soát các yếu tố đầu vào từ khâu chuẩn bị ao, thả giống đến khâu thu hoạch để làm thực phẩm .Quy trình gồm 7 bước.    **1.2. Lợi ích của việc nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP**  **+ Đối với cơ sở chăn nuôi: giảm chi phí, sản phẩm có chất lượng ổn định, tạo mối quan hệ tốt với người lao động và cộng đồng xung quanh.**  **+ Đối với người lao động: có môi trường làm việc an toàn, đảm bảo vệ sinh, nâng cao được kĩ năng lao động.**  **+ Đối với người tiêu dùng và xã hội: truy xuất được nguồn gốc sản phẩm, công bằng trong lựa chọn thực phẩm an toàn.**  **+ Đối với cơ sở chế biến thuỷ sản: có nguồn nguyên liệu đảm bảo, giảm chi phí kiểm tra thuỷ sản, tăng cơ hội xuất khẩu sản phẩm,...** |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về Quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP**

**a. Mục tiêu:**

Phân tích được quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

**b. Nội dung:** Dựa vào hệ thống câu hỏi của GV để tiến hành phân tích các bước trong quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP

**c. Sản phẩm:** HS ghi vào vở: Các hoạt động cơ bản trong quy trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP; những điểm cần lưu ý trong từng hoạt động (kết quả phiếu học tập).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quy trình | | Cách thực hiện |
| 1. Chuẩn bị cơ sở nuôi | Lựa chọn địa điểm | – Nằm trong vùng quy hoạch nuôi thuỷ sản.  – Không có nguy cơ về an toàn vệ sinh thực phẩm,  an toàn lao động, vệ sinh môi trường,... |
| Cơ sở hạ tầng | 1- Xây dựng bờ ao đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thuỷ sản, không rò rỉ nước.  2 - Có hệ thống nước cấp, nước thải riêng biệt.  3 - Có nơi chứa và xử lí nước thải, bùn thải từ ao nuôi.  4- Có nơi chứa và xử lí nước thải, chất thải sinh hoạt nếu có người lao động ở tại cơ sở nuôi.  5 - Bố trí nơi chứa rác thải nguy hại riêng biệt .  6 - Bố trí nơi chứa vật tư đầu vào đảm bảo .  7- Có sơ đồ chỉ dẫn, có biển báo.  8- Đảm bảo ngăn ngừa địch hại xâm nhập vào cơ sở nuôi. |
| Trang thiết bị máy móc dụng cụ | 1- Phù hợp với yêu cầu sản xuất, để xử lí sự cố xảy ra trong quá trình nuôi trồng.  2- Dễ vệ sinh, không ô nhiễm môi trường, không gây mất an toàn thực phẩm.  3- Được vận hành bảo dưỡng, bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất. |
| Yêu cầu về nhân sự | 1- Người quản lí cơ sở nuôi:  Phải có kiến thức về nuôi trồng thuỷ sản, được tập huấn thực hành nuôi trồng thuỷ sản tốt theo tiêu chuẩn VietGAP  2- Người lao động làm việc tại cơ sở nuôi:  +Phải đủ 16 tuổi trở lên, có bảo hộ lao động phù hợp, đảm bảo điều kiện làm việc.  + Được tập huấn về thực hành nuôi trồng thuỷ sản tốt theo tiêu chuẩn VietGAP và an toàn lao động theo đúng các vị trí làm việc  3- Cơ sở nuôi:  + Phải đảm bảo yêu cầu về đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và trách nhiệm xã hội. |
| 2. Lựa chọn và thả giống | Nguồn gốc giống | – Nguồn gốc con giống rõ ràng, được sản xuất  từ cơ sở sản xuất giống có kiểm soát chất lượng,  đảm bảo an toàn sinh học. |
| Chất lượng con giống | – Đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn VietGAP |
| Vận chuyển và thả con giống | * - Vận chuyển con giống đảm bảo không ảnh hưởng đến sức sống và chất lượng con giống. * - Khi thả giống tránh gây sốc cho con giống. |
| 3. Quản lí và chăm  sóc | Sử dụng thức ăn | + Có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng,đóng bao theo quy định.  + Kích cỡ, chất lượng phù hợp với đối tượng và giai đoạn phát triển của động vật.  + Bảo quản đúng quy định, không bị nấm mốc và biến chất; không sử dụng hormone, chất kích thích tăng trưởng. |
| Theo dõi môi trường | - Nước cấp vào ao nuôi phải được xử lí và kiểm soát các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm. Chất lượng nước nuôi phải thích hợp với loài thuỷ sản.  - Định kì kiểm tra chất lượng nước ao nuôi.  - Theo dõi và kiểm soát các yếu tố môi trường như: pH, độ kiềm, độ mặn, oxygen hòa tan |
| Quản lí dịch bệnh | - Thường xuyên theo dõi, kịp thời phát hiện dấu hiệu bệnh, và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa phát sinh dịch bệnh.  - Thực hiện cách li, ngăn chặn sự lây lan dịch bệnh.  - Nếu mắc bệnh thuộc danh mục bệnh thuỷ sản phải công bố dịch thì phải báo cáo ngay cho các cơ quan có trách nhiệm nơi gần nhất.  - Sử dụng thuốc thú y thuỷ sản nằm trong danh mục thuốc được lưu hành theo phác đồ của cán bộ chuyên môn. |
| 4. Thu hoạch |  | + Cần có kế hoạch và biện pháp phù hợp, đảm bảo an toàn chất lượng và an toàn thực phẩm  – Dùng xe chuyên dụng để vận chuyển thuỷ sản.  – Ghi chép số lượng, ngày giờ, địa chỉ chuyển đi và chuyển đến. |
| 5. Thu gom, xử lí chất thải |  | - Nước thải: Thu gom và xử lí đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra môi trường.  - Chất thải rắn: thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi quy định bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.  - Chất thải nguy hại: phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lí theo quy định về quản lí chất thải nguy hại.  - Đối với thủy sản bị chết, bị nhiễm bệnh, nghi nhiễm bệnh trong Danh mục bệnh thuỷ sản: công bố dịch phải được xử lí đúng cách tránh gây lây lan dịch bệnh. |
| 6. Lưu trữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc | Tài liệu và hồ sơ lưu trữ | - Có sổ nhật kí để ghi chép các thông tin kĩ thuật trong suốt quá trình  nuôi.  - Hồ sơ pháp lí, nhân sự, môi trường phải được lưu trữ cho đến khi có sự thay đổi. |
| Truy xuất nguồn gốc | Ghi chép hoạt động sản xuất, truy xuất nguồn gốc theo nguyên tắc: “một bước trước – một bước sau” |
| 7. Kiểm tra nội bộ |  |  |

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

– GV yêu cầu HS nghiên cứu nội dung mục II trong SGK, thảo luận nhóm hoàn thành

phiếu học tập “Tìm hiểu quy trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP” theo nội

dung được GV phân công:

+ Nhóm 1, 2: Tìm hiểu nội dung 1 trong phiếu học tập.

+ Nhóm 3, 4: Tìm hiểu nội dung 2 trong phiếu học tập.

+ Nhóm 5, 6: Tìm hiểu nội dung 3, 4 trong phiếu học tập.

+ Nhóm 7, 8: Tìm hiểu nội dung 5, 6, 7 trong phiếu học tập.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

– HS nghiên cứu nội dung mục II.1 trong SGK, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu

học tập. báo cáo vào đầu giờ tiết sau.

**Tiết 2:**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

– Đại diện nhóm báo cáo; nhóm có cùng nhiệm vụ nhận xét, bổ sung và đánh giá bài

báo cáo của nhóm bạn; HS các nhóm khác bổ sung và đánh giá.

**Bước 4: Nhận xét đánh giá**

– GV nhận xét, đánh giá và giúp HS hoàn thiện kiến thức.

– GV tổ chức cho HS thảo luận thêm:

+ Giải thích vì sao phải khử trùng con giống trước khi thả vào nơi nuôi.

+ Liên hệ với thực tiễn nuôi thuỷ sản ở gia đình, địa phương, so sánh với quy trình

nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP, thông qua đó giúp HS mở rộng, khắc sâu kiến

thức, vận dụng, liên hệ kiến thức đã học với thực tiễn.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu

Hệ thống hoá kiến thức, củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về nuôi thuỷ sản theo tiêu

chuẩn VietGAP.

b) Nội dung: + GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức của bài học kết hợp với kinh nghiệm của bản

thân để trả lời các câu hỏi trong phần luyện tập của SGK

c) Sản phẩm

– Câu trả lời của HS cho các câu hỏi trong phần luyện tập của SGK.

– Sơ đồ tư duy khái quát nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

+ GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức của bài học kết hợp với kinh nghiệm của bản

thân để trả lời các câu hỏi trong phần luyện tập của SGK.

+ GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hoá kiến thức.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS vận dụng kiến thức đã học và kinh nghiệm của bản thân để trả lời câu hỏi trong phần luyện tập của SGK.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn nuôi thuỷ sản ở gia đình, địa phương để đề

xuất quy trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP phù hợp với thực tiễn của địa

phương. Thông qua đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm nuôi thuỷ sản, đảm

bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, sức khoẻ người sản xuất, sức khoẻ người tiêu dùng,

bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

**b) Nội dung**: Quan sát việc nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP tại địa phương

**c) Sản phẩm:**

Bảng thực trạng các quy trình nuôi thuỷ sản ở địa phương và biện pháp đề xuất quy

trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP cho một loài thuỷ sản phù hợp với thực

tiễn ở gia đình, địa phương.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm khoảng 3 đến 5 HS.

– GV yêu cầu HS về nhà quan sát các hoạt động nuôi thuỷ sản ở gia đình, địa phương

(nuôi tôm, cá, ngao, ếch,...), so sánh với các tiêu chuẩn trong quy trình nuôi thuỷ sản

theo tiêu chuẩn VietGAP và đề xuất giải pháp cải thiện. Có thể hướng dẫn HS lập bảng

theo gợi ý sau (Bảng 1):

Bảng 1. Thực trạng nuôi (cá/tôm/ếch/cua/...) ở địa phương và biện pháp cải thiện theo tiêu chuẩn VietGAP:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung quy trình | Ưu điểm | Nhược điểm | Đề xuất giải pháp |
| 1 | Chuồng trại và thiết  bị nuôi thủy sản |  |  |  |
| 2 | Chuẩn bị con giống |  |  |  |
| 3 | Quản lí và chăm sóc |  |  |  |
| 4 | Thu hoạch |  |  |  |
| 5 | Thu gom và xử lí chất thải |  |  |  |
| 6 | Ghi chép, lưu trữ hồ  sơ, truy xuất nguồn  gốc |  |  |  |
| 7 | Kiểm tra nội bộ |  |  |  |

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV, nộp sản phẩm vào buổi học tiếp theo.

**E. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG**

Câu 1. Đâu là lợi ích đối với người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm thuỷ sản nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP?

A. Được làm việc trong môi trường an toàn, đảm bảo vệ sinh.

B. Được giảm chi phí sản xuất.

C. Được biết rõ nguồn gốc thực phẩm.

D. Được nâng cao kĩ năng lao động.

Câu 2. Trong quy trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP, việc ghi chép và lưu

trữ hồ sơ có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

A. Giúp truy xuất nguồn gốc, thông tin kĩ thuật trong suốt quá trình nuôi.

B. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường sinh thái, giảm thiểu dịch bệnh.

C. Giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lí trong quá trình nuôi.

D. Thúc đẩy quá trình sinh trưởng của động vật thuỷ sản, nâng cao năng suất.

Câu 3. Đâu không phải là biện pháp cải tạo, vệ sinh trước khi thả con giống vào ao

nuôi?

A. Nạo vét bùn.

B. Phát quang bờ.

C. Đo kiểm môi trường nước.

D. Bón vôi, phơi đáy ao.

Câu 4. Khi nói về việc quản lí dịch bệnh trong nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP, có bao nhiêu nhận định sau đây đúng?

(1) Lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho động vật thuỷ sản.

(2) Khử trùng con giống trước khi thả vào ao nuôi.

(3) Sử dụng quạt nước để tăng lượng khí oxygen hoà tan trong ao nuôi.

(4) Có hồ sơ theo dõi diễn biến dịch bệnh.

A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 5. Các nhận định sau đây đúng hay sai khi nói về việc chuẩn bị nơi nuôi trong quy

trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP?

a) Địa điểm nuôi phải nằm trong vùng quy hoạch nuôi thuỷ sản.

b) Không nuôi thuỷ sản ở các hồ thuỷ điện.

c) Bón vôi ở ao chuẩn bị nuôi để khử chua và diệt tạp.

d) Khi cấp nước cần tận dụng tất cả các loại cá từ môi trường ngoài.

Đáp án: a) Đúng; b) Sai; c) Đúng; D) Sai.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**:

- Về nhà học bài lưu ý phân tích được quy trình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Làm bài tập trong phần vận dụng và mở rộng.

- Chuẩn bì bài mới: Bài 20: Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi thủy sản.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com